

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **45/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 27-4-2021
V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Loan Trần Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đào Thị Giang

2. Ông Vũ Xuân Tuất

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa:
Ông Cao Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 794/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: 06, thôn 10, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Ông **Hoàng Đức T**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: 6/6, k4, ấp Thuận Trường, xã S, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2020, tại bản tự khai nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Hoàng Đức T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000 và được Ủy ban nhân dân xã S, huyện B cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2004. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, đã 03 năm qua vợ chồng không còn chung sống với nhau bà về Lâm Đồng sinh sống

cùng 02 con, còn một mình ông T ở tại xã S. Nay bà yêu cầu xin được ly hôn với ông Hoàng Đức T.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Hoàng Mạnh T1, sinh ngày 12/4/2003 và cháu Hoàng Ngọc D, sinh ngày 09/02/2011. Khi ly hôn bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Hoàng Đức T nhưng ông Hoàng Đức T vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H về việc ly hôn với ông T. Giao cháu D cho bà Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông Hoàng Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu T1 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung, bà H trình bày không có. Về nợ chung: Bà H trình bày không có. Về án phí: bà Phạm Thị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập; Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật cho ông Hoàng Đức T nhưng ông Hoàng Đức T vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H và ông Hoàng Đức T đã được Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 28/2004 ngày 17/3/2004 nên áp dụng Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo bà H trình bày quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, đã 03 năm qua vợ chồng

không còn chung sống với nhau bà về Lâm Đồng sinh sống cùng 02 con, còn một mình ông T ở tại xã S. Nay bà yêu cầu xin được ly hôn với ông Hoàng Đức T. Qua xác minh tại địa phương, thì ông Hoàng Đức T có hộ khẩu thường trú tại 6/6, k4, ấp Thuận Trường, xã S, huyện B, tỉnh Đồng Nai, hiện nay vẫn còn sinh sống tại địa chỉ nêu trên. Ngoài ra địa phương không nắm rõ mâu thuẫn gia đình của bà H và ông T do ông bà không yêu cầu hòa giải tại địa phương. Tuy nhiên, Tòa án cũng đã tiến hành triệu tập ông Hoàng Đức T đến Tòa để hòa giải đoàn tụ nhưng ông Hoàng Đức T không đến, cho thấy ông Hoàng Đức T không muốn níu kéo cuộc hôn nhân này. Xét thấy, bà H và ông T đã không còn chung sống hơn 03 năm nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ nên việc bà Phạm Thị H xin ly hôn với ông Hoàng Đức T là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Hoàng Đức T.

[3] Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung là cháu Hoàng Mạnh T1, sinh ngày 12/4/2003 và cháu Hoàng Ngọc D, sinh ngày 09/02/2011. Khi ly hôn, bà Phạm Thị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Hoàng Đức T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là trách nhiệm của cha mẹ. Khi ly hôn bà Phạm Thị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Hoàng Đức T cấp dưỡng nuôi con. Ông Hoàng Đức T đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc nên không có ý kiến gì về con chung. Mặt khác cháu T1 và cháu D đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Tại thời điểm xét xử cháu Hoàng Mạnh T1 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Do đó để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu D nên giao cháu D cho bà Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để tạo điều kiện ổn định phát triển về mọi mặt cho cháu. Tạm thời ông T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Bà Phạm Thị H trình bày không có. Do bị đơn vắng mặt chưa có lời khai về tài sản chung, nên không đặt ra xem xét mà tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về nợ chung: Bà Phạm Thị H trình bày không có. Do bị đơn vắng mặt chưa có lời khai về nợ chung, nên không đặt ra xem xét mà tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82,

Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Hoàng Đức T.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Ngọc D, sinh ngày 09/02/2011 cho bà Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Hoàng Đức T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Hoàng Mạnh T1, sinh ngày 12/4/2003 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của ông Hoàng Đức T.

Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Phạm Thị H trình bày không có. Do bị đơn vắng mặt chưa có lời khai về tài sản chung, nên không đặt ra xem xét mà tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

Về nợ chung: Bà Phạm Thị H trình bày không có. Do bị đơn vắng mặt chưa có lời khai về nợ chung, nên không đặt ra xem xét mà tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005861 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà Phạm Thị H đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân huyện Trảng Bom;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bom;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Loan Trần Hải Yến